

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 946/QĐ-ĐHTTr ngày 06 tháng 9 năm
2024 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tân Trào)*

Tên chương trình:	Kế toán (Accounting)
Trình độ đào tạo:	Đại học
Ngành đào tạo:	Kế toán
Mã số:	7340301
Loại hình đào tạo:	Chính quy

Phần I
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 946/QĐ-ĐHTT ngày 06 tháng 9 năm 2024
của Hiệu trưởng Trường Đại học Tân Trào)*

Tên chương trình:	Kế toán
Trình độ đào tạo:	Đại học
Ngành đào tạo:	Kế toán
Mã số:	7340301
Loại hình đào tạo:	Chính quy

1. Mục tiêu đào tạo

- *Mục tiêu chung:* Đào tạo cử nhân ngành Kế toán theo định hướng thực hành; có phẩm chất chính trị, đạo đức và sức khỏe tốt, yêu nghề, có trách nhiệm với xã hội; có kiến thức tổng quan về kinh tế và kiến thức chuyên sâu về kế toán, quản lý, kinh doanh; thực hiện thành thạo các kỹ năng nghiệp vụ chuyên môn; thích ứng với yêu cầu của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 trong lĩnh vực kế toán – tài chính và phục vụ cộng đồng.

- *Mục tiêu cụ thể*

MT1: Có phẩm chất chính trị, có đạo đức và sức khỏe tốt, yêu nghề, năng động.

MT2: Có kiến thức nền tảng về kinh tế, kinh doanh, khoa học tự nhiên – xã hội để phục vụ lĩnh vực chuyên môn

MT3: Tích lũy kiến thức toàn diện để thực hiện công việc chuyên môn, trở thành doanh nhân, nhà quản lý trong các loại hình tổ chức, doanh nghiệp.

MT4: Có kỹ năng thực hành thành thạo các nghiệp vụ về kế toán, tài chính; có kỹ năng mềm phục vụ công việc chuyên môn và giải quyết các vấn đề thực tế trong công việc

MT5: Có khả năng làm việc độc lập, sáng tạo và tự học tập suốt đời, nâng cao trình độ, phát triển nghề nghiệp và phục vụ cộng đồng.

2. Chuẩn đầu ra ngành đào tạo

Yêu cầu đạt được về kiến thức, kỹ năng, mức độ tự chủ và trách nhiệm của người học sau khi tốt nghiệp:

Mã CDR	Nội dung CDR
Về kiến thức	
CDR 1	Vận dụng những kiến thức về lý luận chính trị, quốc phòng – an ninh để thực hiện tốt chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước
CDR 2	Áp dụng những kiến thức cơ bản về khoa học tự nhiên, khoa học xã hội để đáp ứng yêu cầu của chuyên môn kế toán trong điều kiện hội nhập kinh tế quốc tế.
CDR 3	Thực hiện tổ chức công tác kế toán dựa trên các nguyên tắc và quy định hiện hành.
CDR 4	Vận dụng các kiến thức về pháp luật kế toán, chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam, đạo đức và tôn chỉ nghề nghiệp nhằm đáp ứng yêu cầu của công việc kế toán.
CDR 5	Phân tích tình hình tài chính, kế toán để phục vụ ra quyết định của nhà quản trị.
Về kỹ năng	
Kỹ năng cứng	
CDR 6	Thực hiện thành thạo các kỹ năng nghề nghiệp để giải quyết các vấn đề phức tạp liên quan đến hoạt động kế toán trong các đơn vị, tổ chức.
CDR 7	Vận dụng được kỹ năng tư duy, phân tích, đánh giá và giải quyết vấn đề trong việc nhận diện, phân loại, đo lường, ghi nhận, lập và phân tích báo cáo kế toán trong các đơn vị.
CDR 8	Áp dụng được các phương pháp nghiên cứu, tư duy, lập luận trong thực hiện nghiên cứu khoa học thuộc lĩnh vực kế toán.
Kỹ năng mềm	

Mã CDR	Nội dung CDR
CDR 9	Vận dụng tốt kỹ năng thuyết trình, giao tiếp, làm việc độc lập, làm việc nhóm, giải quyết vấn đề và dẫn dắt khởi nghiệp trong lĩnh vực chuyên môn.
CDR 10	Đạt trình độ tiếng Anh bậc 3 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc của Việt Nam (hoặc tương đương) và vận dụng được trong hoạt động chuyên môn; Đạt trình độ tin học Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản (hoặc tương đương) và vận dụng được trong thực hành nghề nghiệp.
Về mức độ tự chủ và trách nhiệm	
CDR 11	Tuân thủ pháp luật, trách nhiệm công dân, vì lợi ích cộng đồng; tôn trọng nguyên tắc, đạo đức nghề nghiệp; có đủ sức khỏe để thực hiện và đáp ứng yêu cầu công việc trong bối cảnh toàn cầu hoá và cách mạng công nghiệp 4.0
CDR 12	Làm việc độc lập, khoa học và hiệu quả khi tham gia các công việc trong lĩnh vực chuyên môn; có khả năng học tập suốt đời để đáp ứng sự thay đổi nhanh chóng của ngành kế toán trong bối cảnh toàn cầu hoá và cách mạng công nghiệp 4.0.

3. Vị trí việc làm của người học sau khi tốt nghiệp

Sau khi tốt nghiệp Chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Kế toán, người học có thể đảm nhận những vị trí công việc sau:

- Vị trí nhân viên kế toán: đảm nhiệm các công việc tại các bộ phận kế toán tài chính, kế toán quản trị, kiểm toán nội bộ trong các loại hình doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp, các tổ chức tài chính ngân hàng và phi ngân hàng....
- Nhân viên phân tích và tư vấn: Đảm nhiệm các công việc phân tích và tư vấn về kế toán, thuế, tài chính tại các công ty, doanh nghiệp và đặc biệt là các công ty cung cấp dịch vụ tư vấn kế toán, thuế, đầu tư và tài chính;
- Tự khởi nghiệp kinh doanh cho bản thân hoặc thành lập doanh nghiệp và vận hành hoạt động doanh nghiệp

4. Khả năng phát triển và nâng cao trình độ của người học sau khi tốt nghiệp

Sau khi tốt nghiệp trình độ đại học ngành Kế toán, người học có khả năng tự học, tự nghiên cứu nâng cao chuyên môn nghiệp vụ và có khả năng tiếp tục học liên thông ở ngành gần hoặc ở bậc học cao hơn.

5. Ma trận chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

Các học phần trong CTĐT						Chuẩn đầu ra							
Mã HP	Học phần	Kiến thức					Kĩ năng					Mức độ tự chủ và trách nhiệm	
							Cứng			Mềm			
		CĐR1	CĐR2	CĐR3	CĐR4	CĐR5	CĐR6	CĐR7	CĐR8	CĐR9	CĐR0	CĐR1	CĐR2
A. Kiến thức giáo dục đại cương													
I. Lý luận chính trị													
LL2.1.040.3	Triết học Mác – Lênin	2											
LL2.1.041.2	Kinh tế chính trị Mác – Lênin	2											
LL2.1.042.2	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2											
LL2.1.043.2	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2											
LL2.1.044.2	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	2											
II. Ngoại ngữ													
NN2.1.001.3	Tiếng Anh 1									2			
NN2.1.002.3	Tiếng Anh 2									2			
NN2.1.003.3	Tiếng Anh 3									2			
III. Tin học													
TN2.1.501.2	Tin học đại cương									2			
IV. Khoa học tự nhiên, xã hội													
TN2.1.114.3	Toán cao cấp cho các nhà kinh tế		2										
TN2.1.120.3	Xác suất và thống kê A		2										
LL2.1.007.2	Pháp luật đại cương	2									2		
V. Giáo dục thể chất		2											
VI. Giáo dục Quốc phòng – An ninh		2											
B. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp													
I. Kiến thức cơ sở ngành													
Bắt buộc													

Các học phần trong CTĐT					Chuẩn đầu ra								
Mã HP	Học phần	Kiến thức					Kĩ năng					Mức độ tự chủ và trách nhiệm	
							Cứng			Mềm			
		CĐR1	CĐR2	CĐR3	CĐR4	CĐR5	CĐR6	CĐR7	CĐR8	CĐR9	CĐR10	CĐR11	CĐR12
KT2.1.001.3	Kinh tế vi mô		2										2
KT2.1.002.3	Kinh tế vĩ mô		2										2
KT2.1.009.3	Luật kinh tế		2									2	
KT2.1.005.3	Nguyên lý kế toán			2								2	
KT2.1.007.3	Nguyên lý thống kê			2									2
KT2.1.008.3	Tài chính – Tiền tệ		2										
KT2.1.046.3	Phương pháp nghiên cứu kinh tế								2				2
Tự chọn (chọn 5 trong 16 tín chỉ)													
Tự chọn 1 (chọn 2 trong 10 tín chỉ)													
KT2.1.003.2	Marketing căn bản		2										
XH2.1.055.2	Soạn thảo văn bản		2				1					1	
TN2.1.112.2	Mô hình toán kinh tế		2										
KT2.1.020.2	Kinh tế quốc tế		2								1		
LL2.1.013.2	Lịch sử các học thuyết kinh tế		2										
Tự chọn 2 (chọn 3 trong 6 tín chỉ)													
KT2.1.011.3	Quản trị học		2										
KT2.1.006.3	Kinh tế lượng		2						2				
II. Kiến thức ngành													
Bắt buộc													
KT2.1.012.3	Kế toán tài chính 1				2								
KT2.1.013.4	Kế toán quản trị					2							2
KT2.1.014.4	Kế toán tài chính 2				2								
KT2.1.172.3	Tiếng Anh chuyên ngành kế toán										2		
KT2.1.022.3	Thuế Nhà nước				2							2	

Các học phần trong CTĐT					Chuẩn đầu ra								
Mã HP	Học phần	Kiến thức					Kĩ năng				Mức độ tự chủ và trách nhiệm		
							Cứng			Mềm			
		CĐR1	CĐR2	CĐR3	CĐR4	CĐR5	CĐR6	CĐR7	CĐR8	CĐR9	CĐR10	CĐR11	CĐR12
KT2.1.018.3	Tài chính doanh nghiệp					2		3					
Tự chọn (chọn 5 trong 13 tín chỉ)													
Tự chọn 1 (chọn 3 trong 9 tín chỉ)													
KT2.1.004.3	Luật và chuẩn mực kế toán				2							2	
KT2.1.032.3	Thanh toán quốc tế		2								1		
KT2.1.138.3	Giao tiếp kinh doanh									2			
Tự chọn 2 (chọn 2 trong 4 tín chỉ)													
KT2.1.015.2	Tài chính công				2		1						
KT2.1.033.2	Tổ chức công tác kế toán trong doanh nghiệp			2			2						
III. Kiến thức chuyên ngành													
Bắt buộc													
KT2.1.024.3	Kế toán hành chính sự nghiệp			2									
KT2.1.040.3	Kế toán doanh nghiệp nhỏ và vừa			2			2						
KT2.1.026.3	Kế toán tài chính 3				2		2						
KT2.1.016.3	Lý thuyết kiểm toán				2							2	
KT2.1.148.3	Khởi sự kinh doanh									2		3	
KT2.1.029.3	Phân tích hoạt động kinh doanh					2		2					
KT2.1.030.3	Kế toán máy (1TCLT;2TCTH)			2			2				2		
KT2.1.036.3	Thực hành kế toán doanh nghiệp (1 TC = 30 giờ)						2					2	
KT2.1.037.3	Thực hành kế toán hành chính sự nghiệp (1 TC = 30 giờ)						2					2	

Các học phần trong CTĐT					Chuẩn đầu ra								
Mã HP	Học phần	Kiến thức					Kĩ năng				Mức độ tự chủ và trách nhiệm		
							Cứng			Mềm			
		CĐR1	CĐR2	CĐR3	CĐR4	CĐR5	CĐR6	CĐR7	CĐR8	CĐR9	CĐR0	CĐR11	CĐR12
Tự chọn (chọn 8 trong 16 tín chỉ)													
Tự chọn 1 (chọn 4 trong 8 tín chỉ)													
TN2.1.505.2	Tin học ứng dụng trong kế toán	2								3			
KT2.1.034.2	Nghiệp vụ ngân hàng thương mại	2											
KT2.1.166.2	Kế toán doanh nghiệp xây dựng			2		2							
KT2.1.023.2	Định giá tài sản				2		2						
Tự chọn 2: (chọn 4 trong 8 tín chỉ)													
KT2.1.027.2	Kế toán doanh nghiệp thương mại dịch vụ			2		2							
KT2.1.021.2	Thị trường chứng khoán				2								
KT2.1.010.2	Hệ thống thông tin kế toán			2			2						
KT2.1.159.2	Kỹ năng quản lý và làm việc nhóm								2			2	
IV. Thực tập													
KT2.1.119.4	Thực tập 1 (Thực tập giáo trình) (1 TC = 50 giờ)					2			2			3	
KT2.1.038.4	Thực tập 2 (Thực tập tốt nghiệp) (1TC = 50 giờ)						3		3			3	
V. Khóa luận tốt nghiệp/Học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp													
Khóa luận tốt nghiệp:													
KT2.1.039.6	Khóa luận tốt nghiệp (1TC = 50 giờ)						3		3			3	
Học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp													

Các học phần trong CTĐT		Chuẩn đầu ra											
Mã HP	Học phần	Kiến thức					Kĩ năng					Mức độ tự chủ và trách nhiệm	
							Cứng			Mềm			
		CĐR1	CĐR2	CĐR3	CĐR4	CĐR5	CĐR6	CĐR7	CĐR8	CĐR9	CĐR0	CĐR1	CĐR2
KT2.1.041.2	Kế toán ngân hàng thương mại			2			2						
KT2.1.153.2	Kế toán NSNN và NVKB			2			2						
KT2.1.042.2	Kế toán quốc tế			2									2
KT2.1.043.2	Kế toán ngân sách và tài chính xã			2			2						
KT2.1.028.2	Kiểm toán báo cáo tài chính				2			3				2	
KT2.1.044.2	Quản trị tài chính doanh nghiệp					2		2					
KT2.1.019.2	Kế toán thuế				2		2						2
Tổng số tín chỉ toàn khóa: tín chỉ (Không tính Giáo dục thể chất, Giáo dục Quốc phòng – An ninh)													

0= Không đóng góp; 1= Đóng góp ở mức độ nhớ và hiểu; 2 = Đóng góp ở mức độ áp dụng và phân tích; 3 = Đóng góp ở mức độ đánh giá và sáng tạo

6. Thời gian đào tạo: 4 năm

7. Khối lượng kiến thức toàn khóa: tín chỉ (không kể Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng – An ninh), trong đó

- Kiến thức giáo dục đại cương: 30 tín chỉ;
- Kiến thức cơ sở ngành: 26 tín chỉ;
- Kiến thức ngành: 25 tín chỉ;
- Kiến thức chuyên ngành: 35 tín chỉ;
- Thực tập: 8 tín chỉ;
- Khóa luận tốt nghiệp hoặc các học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp: 6 tín chỉ.

8. Chuẩn đầu vào:

- Đã tốt nghiệp Trung học phổ thông hoặc tương đương, đạt ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào theo đề án tuyển sinh hàng năm của Nhà trường.

- Phương thức tuyển sinh: theo quy định của Bộ Giáo dục & Đào tạo.

- Vùng tuyển sinh: cả nước.

9. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp:

Theo chương II, chương và III chương IV, Quyết định 667/QĐ-ĐHTTr ngày 25/8/2021 về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học của Trường Đại học Tân Trào.

10. Thang điểm

Điều 14, Chương III, Quyết định 667/QĐ-ĐHTTr ngày 25/8/2021 về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học của Trường Đại học Tân Trào.

11. Nội dung chương trình

S T T	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ				Học phần tiền quyết
				Lí thuyết	Bài tập, kiểm tra	Thực hành, thảo luận	Thực tế, thực tập, tiểu luận, bài tập lớn, KLTN	
A. Kiến thức giáo dục đại cương			30	291	159			
I. Lí luận Chính trị			11	137	28			
1	LL2.1.040.3	Triết học Mác – Lênin	3	43	2			
2	LL2.1.041.2	Kinh tế chính trị Mác – Lênin	2	25	5			LL2.1.040.3
3	LL2.1.042.2	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	29	1			LL2.1.041.2
4	LL2.1.043.2	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	25	5			LL2.1.042.2
5	LL2.1.044.2	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	2	20	10			LL2.1.043.2
II. Ngoại ngữ			9	66	69			
6	NN2.1.001.3	Tiếng Anh 1	3	22	23			

S T T	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ				Học phần tiền quyết
				Lí thuyết	Bài tập, kiểm tra	Thực hành, thảo luận	Thực tế, thực tập, tiểu luận, bài tập lớn, KLTN	
7	NN2.1.002.3	Tiếng Anh 2	3	22	23			NN2.1.001.3
8	NN2.1.003.3	Tiếng Anh 3	3	22	23			NN2.1.002.3
III. Tin học			2	15	15			
9	TN2.1.501.2	Tin học đại cương	2	15	15			
IV. Khoa học tự nhiên, xã hội			8	73	47			
10	TN2.1.114.3	Toán cao cấp cho các nhà kinh tế	3	22	23			
11	TN2.1.120.3	Xác suất và thống kê A	3	22	23			TN2.1.114.3
12	LL2.1.007.2	Pháp luật đại cương	2	29	1			
V. Giáo dục Thể chất			7					
Bắt buộc								
13	TC2.1.001.2	Giáo dục Thể chất 1	02					
Tự chọn 1 (chọn 1 trong 8 học phần)								
14	TC2.1.002.3	GD Thể chất 2 (Bóng đá 1)	03					
15	TC2.1.003.3	GD Thể chất 2 (Bóng bàn 1)	03					
16	TC2.1.004.3	GD Thể chất 2 (Bóng chuyền 1)	03					
17	TC2.1.005.3	GD Thể chất 2 (Cầu lông 1)	03					

S T T	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ				Học phần tiền quyết
				Lí thuyết	Bài tập, kiểm tra	Thực hành, thảo luận	Thực tế, thực tập, tiểu luận, bài tập lớn, KLTN	
18	TC2.1.006.3	GD Thể chất 2 (Võ thuật 1)	03					
19	TC2.1.007.3	GD Thể chất 2 (Điền kinh 1)	03					
20	TC2.1.018.3	GD Thể chất 2 (Bóng rổ 1)	03					
21	TC2.1.020.3	GD Thể chất 2 (Bơi lội 1)	03					
Tự chọn 2 (chọn 1 trong 8 học phần)								
22	TC2.1.008.2	GD Thể chất 3 (Bóng đá 2)	02					
23	TC2.1.009.2	GD Thể chất 3 (Bóng bàn 2)	02					
24	TC2.1.010.2	GD Thể chất 3 (Bóng chuyền 2)	02					
25	TC2.1.011.2	GD Thể chất 3 (Cầu lông 2)	02					
26	TC2.1.012.2	GD Thể chất 3 (Võ thuật 2)	02					
27	TC2.1.013.2	GD Thể chất 3 (Điền kinh 2)	02					
28	TC2.1.019.2	GD Thể chất 3 (Bóng rổ 2)	02					
29	TC2.1.021.2	GD Thể chất 3 (Bơi lội 2)	02					

S T T	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ				Học phần tiền quyết
				Lí thuyết	Bài tập, kiểm tra	Thực hành, thảo luận	Thực tế, thực tập, tiểu luận, bài tập lớn, KLTN	
VI. Giáo dục Quốc phòng – An ninh			9					
30	TC2.1.014.3	QDQP – An ninh 1	03					
31	TC2.1.015.2	QDQP – An ninh 2	02					
32	TC2.1.016.2	QDQP – An ninh 3	02					
33	TC2.1.017.2	QDQP – An ninh 4	02					
B. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp			100	780	480	240	700	
I. Kiến thức cơ sở của ngành			26	255	135			
Bắt buộc			21	210	105			
34	KT2.1.001.3	Kinh tế vi mô	3	30	15			
35	KT2.1.002.3	Kinh tế vĩ mô	3	30	15			
36	KT2.1.009.3	Luật kinh tế	3	30	15			
37	KT2.1.005.3	Nguyên lý kế toán	3	30	15			
38	KT2.1.007.3	Nguyên lý thống kê	3	30	15			
39	KT2.1.008.3	Tài chính – Tiền tệ	3	30	15			
40	KT2.1.046.3	Phương pháp nghiên cứu kinh tế	3	30	15			
Tự chọn (chọn 5 trong 16 tín chỉ)			5	45	30			
Tự chọn 1 (chọn 2 trong 10 tín chỉ)								

S T T	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ				Học phần tiền quyết
				Lí thuyết	Bài tập, kiểm tra	Thực hành, thảo luận	Thực tế, thực tập, tiểu luận, bài tập lớn, KLTN	
41	KT2.1.003.2	Marketing căn bản	2	15	15			
42	XH2.1.055.2	Soạn thảo văn bản	2	15	15			
43	TN2.1.112.2	Mô hình toán kinh tế	2	15	15			
44	KT2.1.020.2	Kinh tế quốc tế	2	15	15			
45	LL2.1.013.2	Lịch sử các học thuyết kinh tế	2	15	15			LL2.1.042.2
Tự chọn 2 (chọn 3 trong 6 tín chỉ)								
46	KT2.1.011.3	Quản trị học	3	30	15			
47	KT2.1.006.3	Kinh tế lượng	3	30	15			
II. Kiến thức ngành			25	225	150			
Bắt buộc			20	180	120			
48	KT2.1.012.3	Kế toán tài chính 1	3	30	15			KT2.1.005.3
49	KT2.1.013.4	Kế toán quản trị	4	30	30			KT2.1.005.3
50	KT2.1.014.4	Kế toán tài chính 2	4	30	30			KT2.1.005.3
51	KT2.1.172.3	Tiếng Anh chuyên ngành kế toán	3	30	15			
52	KT2.1.022.3	Thuế Nhà nước	3	30	15			
53	KT2.1.018.3	Tài chính doanh nghiệp	3	30	15			KT2.1.008.3

S T T	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ				Học phần tiền quyết
				Lí thuyết	Bài tập, kiểm tra	Thực hành, thảo luận	Thực tế, thực tập, tiểu luận, bài tập lớn, KLTN	
Tự chọn (chọn 5 trong 13 tín chỉ)			5	45	30			
Tự chọn 1(chọn 3 trong 9 tín chỉ)								
54	KT2.1.004.3	Luật và chuẩn mực kế toán	3	30	15			
55	KT2.1.032.3	Thanh toán quốc tế	3	30	15			
56	KT2.1.138.3	Giao tiếp trong kinh doanh	3	30	15			
Tự chọn 2 (chọn 2 trong 4 tín chỉ)								
57	KT2.1.015.2	Tài chính công	2	15	15			
58	KT2.1.033.2	Tổ chức công tác kế toán trong doanh nghiệp	2	15	15			KT2.1.005.3
III. Kiến thức chuyên ngành			35	255	150	240		
Bắt buộc			27	195	90	240		
69	KT2.1.024.3	Kế toán hành chính sự nghiệp	3	30	15			KT2.1.005.3
60	KT2.1.040.3	Kế toán doanh nghiệp nhỏ và vừa	3	30	15			KT2.1.005.3
61	KT2.1.026.3	Kế toán tài chính 3	3	30	15			KT2.1.005.3
62	KT2.1.016.3	Lý thuyết kiểm toán	3	30	15			KT2.1.005.3
63	KT2.1.148.3	Khởi sự kinh doanh	3	30	15			

S T T	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ				Học phần tiền quyết
				Lí thuyết	Bài tập, kiểm tra	Thực hành, thảo luận	Thực tế, thực tập, tiểu luận, bài tập lớn, KLTN	
64	KT2.1.029.3	Phân tích hoạt động kinh doanh	3	30	15			
65	KT2.1.030.3	Kế toán máy (1TCLT;2TCT H)	3	15		60		KT2.1.005.3
66	KT2.1.036.3	Thực hành kế toán doanh nghiệp (1 TC = 30 giờ)	3			90		KT2.1.005.3
67	KT2.1.037.3	Thực hành kế toán hành chính sự nghiệp (1 TC = 30 giờ)	3			90		KT2.1.024.3
Tự chọn (chọn 8 trong 16 tín chỉ)			8	60	60			
Tự chọn 1 (chọn 4 trong 8 tín chỉ)								
68	TN2.1.505.2	Tin học ứng dụng trong kế toán	2	15	15			
69	KT2.1.034.2	Nghiệp vụ ngân hàng thương mại	2	15	15			
70	KT2.1.166.2	Kế toán doanh nghiệp xây dựng	2	15	15			KT2.1.005.3
71	KT2.1.023.2	Định giá tài sản	2	15	15			
Tự chọn 2 (chọn 4 trong 8 tín chỉ)								

S T T	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ				Học phần tiền quyết
				Lí thuyết	Bài tập, kiểm tra	Thực hành, thảo luận	Thực tế, thực tập, tiểu luận, bài tập lớn, KLTN	
72	KT2.1.027.2	Kế toán doanh nghiệp thương mại dịch vụ	2	15	15			KT2.1.005.3
73	KT2.1.021.2	Thị trường chứng khoán	2	15	15			
74	KT2.1.010.2	Hệ thống thông tin kế toán	2	15	15			KT2.1.005.3
75	KT2.1.159.2	Kỹ năng quản lý và làm việc nhóm	2	15	15			
IV. Thực tập			8				400	
76	KT2.1.119.4	Thực tập 1 (Thực tập giáo trình) (1 TC = 50 giờ)	4				200	KT2.1.005.3
77	KT2.1.038.4	Thực tập 2 (Thực tập tốt nghiệp) (1TC = 50 giờ)	4				200	KT2.1.119.4
V. Khóa luận tốt nghiệp/ Học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp			6				300	
Khóa luận tốt nghiệp								
78	KT2.1.039.6	Khóa luận tốt nghiệp (1TC = 50 giờ)	6				300	KT2.1.038.4
Học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp			6	45	45			

S T T	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ				Học phần tiền quyết
				Lí thuyết	Bài tập, kiểm tra	Thực hành, thảo luận	Thực tế, thực tập, tiểu luận, bài tập lớn, KLTN	
(chọn 6 trong 14 tín chỉ)								
79	KT2.1.041.2	Kế toán ngân hàng thương mại	2	15	15			KT2.1.005.3
80	KT2.1.153.2	Kế toán NSNN và NVKB	2	15	15			KT2.1.005.3
81	KT2.1.042.2	Kế toán quốc tế	2	15	15			KT2.1.005.3
82	KT2.1.043.2	Kế toán ngân sách và tài chính xã	2	15	15			KT2.1.005.3
83	KT2.1.028.2	Kiểm toán báo cáo tài chính	2	15	15			KT2.1.016.3
84	KT2.1.044.2	Quản trị tài chính doanh nghiệp	2	15	15			
85	KT2.1.019.2	Kế toán thuế	2	15	15			KT2.1.022.3
Tổng số tín chỉ toàn khóa (Không tính Giáo dục Thể chất, Giáo dục Quốc phòng – An ninh)			130	1.071	639	240	700	

12. Kế hoạch giảng dạy (dự kiến)

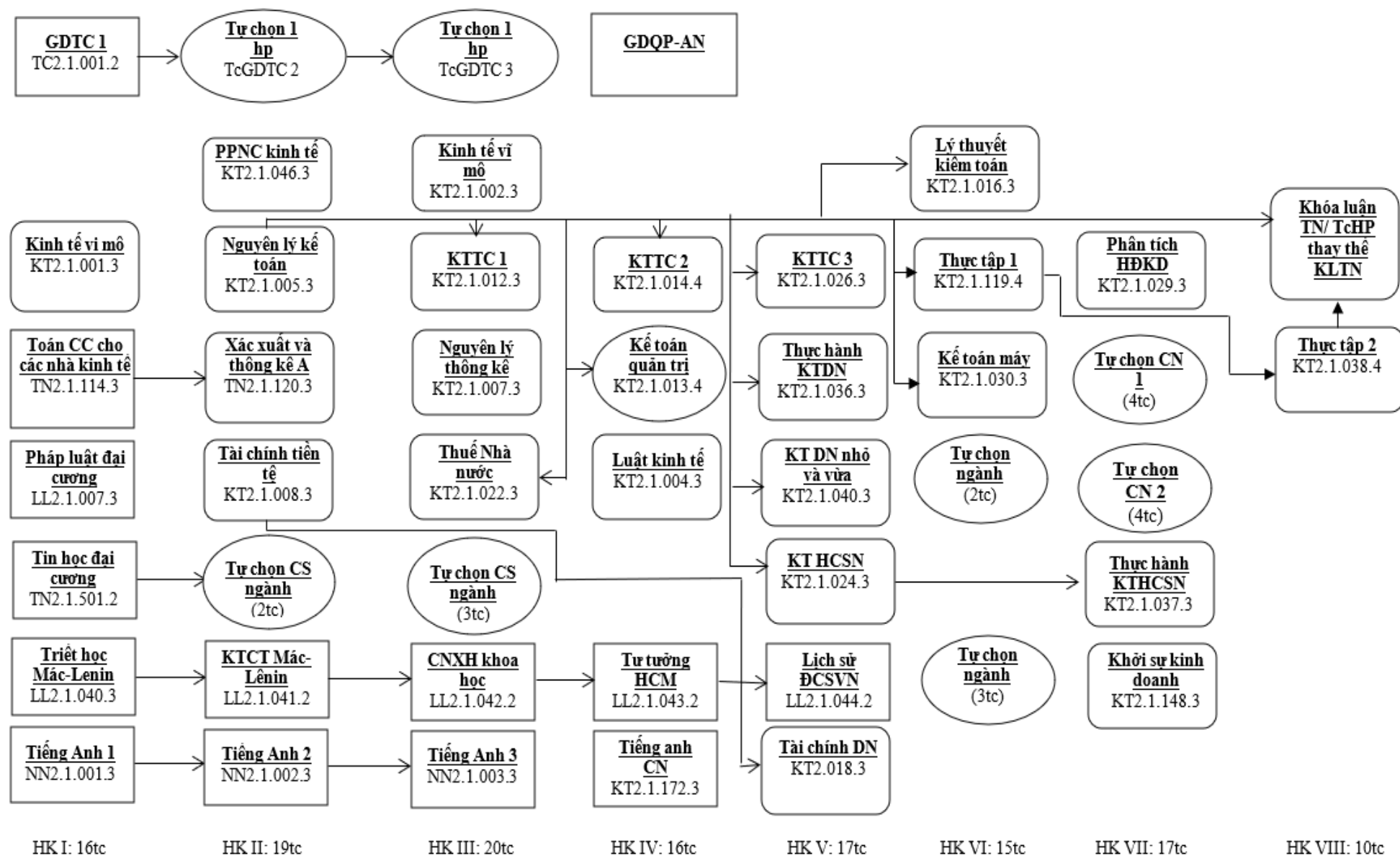
Số TT	Mã học phần	Tên học phần	Điều kiện tiên quyết	Số TC	Học kỳ							
					1	2	3	4	5	6	7	8
1	LL2.1.040.3	Triết học Mác - Lênin		3	3							
2	NN2.1.001.3	Tiếng Anh 1		3	3							
3	TN2.1.114.3	Toán cao cấp cho các nhà kinh tế		3	3							
4	LL2.1.007.2	Pháp luật đại cương		2	2							
5	KT2.1.001.3	Kinh tế vi mô		3	3							
6	TN2.1.501.2	Tin học đại cương		2	2							
7	TC2.1.001.2	<i>Giáo dục Thể chất 1</i>		2	2*							
8	QDQP – An ninh			9	9*							
9	LL2.1.041.2	Kinh tế chính trị Mác – Lênin	LL2.1.040.3	2		2						
10	NN2.1.002.3	Tiếng Anh 2	NN2.1.001.3	3		3						
11	TN2.1.120.3	Xác suất và thống kê A	TN2.1.114.3	3		3						
12	KT2.1.005.3	Nguyên lý kế toán		3		3						
13	KT2.1.008.3	Tài chính – Tiền tệ		3		3						
14	KT2.1.046.3	Phương pháp nghiên cứu kinh tế		3		3						
15	<i>Tự chọn kiến thức cơ sở ngành (02TC)</i>			2		2						
16	<i>GD Thể chất 2 (Tự chọn 1 trong 8 học phần)</i>		TC2.1.001.2	3		3*						
17	LL2.1.042.2	Chủ nghĩa xã hội khoa học	LL2.1.041.2	2			2					
19	NN2.1.003.3	Tiếng Anh 3	NN2.1.002.3	3			3					
20	KT2.1.002.3	Kinh tế vĩ mô		3			3					

Số TT	Mã học phần	Tên học phần	Điều kiện tiên quyết	Số TC	Học kỳ							
					1	2	3	4	5	6	7	8
21	KT2.1.007.3	Nguyên lý thống kê		3			3					
22	KT2.1.012.3	Kế toán tài chính 1	KT2.1.005.3	3			3					
23	KT2.1.022.3	Thuế Nhà nước		3			3					
24	<i>Tự chọn kiến thức cơ sở ngành (03TC)</i>			3			3					
25	<i>GD Thẻ chất 3 (Tự chọn 1 trong 8 học phần)</i>		TC2.1.002.3	2			2					
26	LL2.1.043.2	Tư tưởng Hồ Chí Minh	LL2.1.042.2	2				2				
27	KT2.1.009.3	Luật kinh tế		3				3				
28	KT2.1.014.4	Kế toán tài chính 2	KT2.1.005.3	4				4				
29	KT2.1.013.4	Kế toán quản trị	KT2.1.005.3	4				4				
30	KT2.1.172.3	Tiếng Anh chuyên ngành kế toán		3				3				
31	KT2.1.018.3	Tài chính doanh nghiệp	KT2.1.008.3	3					3			
32	LL2.1.044.2	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	LL2.1.043.2	2					2			
33	KT2.1.040.3	Kế toán doanh nghiệp nhỏ và vừa	KT2.1.005.3	3					3			
34	KT2.1.026.3	Kế toán tài chính 3	KT2.1.005.3	3					3			
35	KT2.1.024.3	Kế toán hành chính sự nghiệp	KT2.1.005.3	3					3			
36	KT2.1.036.3	Thực hành kế toán doanh nghiệp (1 TC = 30 giờ)	KT2.1.005.3	3					3			

Số TT	Mã học phần	Tên học phần	Điều kiện tiên quyết	Số TC	Học kỳ							
					1	2	3	4	5	6	7	8
37	KT2.1.119.4	Thực tập 1 (Thực tập giáo trình) (1 TC = 50 giờ)	KT2.1.005.3	4						4		
38	KT2.1.016.3	Lý thuyết kiểm toán	KT2.1.005.3	3						3		
39	<i>Tự chọn kiến thức ngành (02TC)</i>			2						2		
40	<i>Tự chọn kiến thức ngành (03TC)</i>			3						3		
41	KT2.1.030.3	Kế toán máy (1TCLT; 2TCTH)	KT2.1.005.3	3						3		
42	KT2.1.029.3	Phân tích hoạt động kinh doanh		3							3	
43	KT2.1.148.3	Khởi sự kinh doanh		3							3	
44	<i>Tự chọn kiến thức chuyên ngành 1 (04TC)</i>			4							4	
45	<i>Tự chọn kiến thức chuyên ngành 2 (04TC)</i>			4							4	
46	KT2.1.037.3	Thực hành kế toán hành chính sự nghiệp (1 TC = 30 giờ)	KT2.1.024.3	3							3	
47	KT2.1.038.4	Thực tập 2 (Thực tập tốt nghiệp) (1TC = 50 giờ)	KT2.1.119.4	4								4
48	KT2.1.039.6	Khóa luận tốt nghiệp (1TC = 50 giờ)	KT2.1.038.4	6								6
	<i>Học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp (chọn 6 trong 14 tín chỉ)</i>											6
49	KT2.1.041.2	Kế toán ngân hàng thương mại	KT2.1.005.3	2								

Số TT	Mã học phần	Tên học phần	Điều kiện tiên quyết	Số TC	Học kỳ							
					1	2	3	4	5	6	7	8
50	KT2.1.153.2	Kế toán ngân sách nhà nước và nghịệp vụ kho bạc	KT2.1.005.3	2								
51	KT2.1.042.2	Kế toán quốc tế	KT2.1.005.3	2								
52	KT2.1.043.2	Kế toán ngân sách và tài chính xã	KT2.1.005.3	2								
53	KT2.1.028.2	Kiểm toán báo cáo tài chính	KT2.1.016.3	2								
54	KT2.1.044.2	Quản trị tài chính doanh nghiệp		2								
55	KT2.1.019.2	Kế toán thuế	KT2.1.022.3	2								
Cộng (không tính Giáo dục thể chất và Giáo dục Quốc phòng - An ninh)				130	16	19	20	16	17	15	17	10

13. Bản đồ chương trình dạy học



14. Mô tả các học phần

14.1. Triết học Mác – Lênin (3TC)

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần gồm 3 chương: Chương 1 trình bày những nét khái quát nhất về triết học, triết học Mác-Lênin và vai trò của triết học Mác-Lênin trong đời sống xã hội; Chương 2 trình bày những nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật biện chứng, gồm những vấn đề vật chất và ý thức; phép biện chứng duy vật; lý luận nhận thức của chủ nghĩa duy vật biện chứng; Chương 3 trình bày những nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật lịch sử, gồm vấn đề hình thái kinh tế xã hội; giai cấp và dân tộc; nhà nước và cách mạng xã hội; ý thức xã hội; triết học về con người.

14.2. Kinh tế chính trị Mác – Lênin (2TC)

Điều kiện tiên quyết: Triết học Mác – Lê nin

Học phần bao gồm các nội dung cơ bản về Kinh tế chính trị Mác – Lê nin như: Hàng hóa, thị trường và vai trò của các chủ thể tham gia thị trường; sản xuất giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường; cạnh tranh và độc quyền; kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam; công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam.

14.3. Chủ nghĩa xã hội khoa học (2TC)

Điều kiện tiên quyết: Kinh tế chính trị Mác – Lênin.

Học phần bao gồm các nội dung cơ bản về Chủ nghĩa xã hội khoa học như: sứ mệnh lịch sử giai cấp công nhân, liên minh giai cấp, cách mạng xã hội chủ nghĩa, những vấn đề chính trị - xã hội có tính quy luật trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội để từ đó người học có lý luận, phương pháp luận đánh giá được thực tiễn chủ nghĩa xã hội trên thế giới và trong nước.

14.4. Tư tưởng Hồ Chí Minh (2TC)

Điều kiện tiên quyết: Chủ nghĩa xã hội khoa học.

Học phần bao gồm các nội dung cơ bản: Khái niệm, đối tượng, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa học tập môn Tư tưởng Hồ Chí Minh; Cơ sở, quá trình hình thành và phát triển Tư tưởng Hồ Chí Minh; Tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; Tư tưởng Hồ Chí Minh về Đảng cộng sản Việt Nam và nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân; Tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế; Tư tưởng Hồ Chí Minh về văn hoá, đạo đức, con người.

14.5. Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam (2TC)

Điều kiện tiên quyết: Tư tưởng Hồ Chí Minh

Học phần bao gồm những nội dung cơ bản về đối tượng, mục đích, nhiệm vụ, phương pháp nghiên cứu, học tập môn Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam và những kiến thức cơ bản, cốt lõi, hệ thống về sự ra đời của Đảng (1920-1930), quá trình Đảng lãnh đạo cuộc đấu tranh giành chính quyền (1930- 1945), lãnh đạo hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược, hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1945-1975), lãnh đạo cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới (1975-2018). Qua đó khẳng định các thành tựu, nêu lên các hạn chế, tổng kết những kinh nghiệm về sự lãnh đạo cách mạng của Đảng.

14.6. Tiếng Anh 1 (3TC)

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần gồm các kiến thức cơ bản về thì quá khứ đơn, hiện tại đơn và hiện tại tiếp diễn, trạng từ tần suất; cấu trúc Be going to, mẫu câu hỏi, động từ khuyết thiếu can/ have to/ must và các chủ đề: Kỳ nghỉ và ngày cuối tuần, thông tin cá nhân, thời gian rảnh rỗi, người bạn thân nhất; công việc; sở thích cá nhân, kế hoạch trong tương lai, hỏi và trả lời qua điện thoại, thảo luận và đưa ra lời khuyên cho người học ngôn ngữ, nói về năng khiếu và quy tắc trong trường học, mô tả về khả năng của bản thân bằng Tiếng Anh.

14.7. Tiếng Anh 2 (3TC)

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần gồm các kiến thức cơ bản về thì hiện tại hoàn thành, quá khứ đơn, thói quen trong quá khứ, các mệnh đề quan hệ; Mô tả, nêu ý kiến về giao thông, du lịch, sức khỏe, thực phẩm và tiền tệ bằng Tiếng Anh.

14.8. Tiếng Anh 3 (3TC)

Điều kiện tiên quyết: Tiếng Anh 2

Học phần tập trung phát triển khả năng nghe, nói, đọc, viết về các chủ đề thường gặp như tự nhiên, xã hội, công nghệ và giải trí; nâng cao khả năng mô tả, thảo luận, và đưa ra các quan điểm cá nhân về các vấn đề thường gặp trong cuộc sống.

14.9. Toán cao cấp cho các nhà kinh tế (3TC)

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần này bao gồm các kiến thức về : Không gian vector số học n chiều, ma trận, định thức, hệ phương trình tuyến tính, phép tính vi phân và tích phân của hàm số, phương trình vi phân.

14.10. Xác suất và thống kê A (3TC)

Điều kiện tiên quyết: Toán cao cấp cho các nhà kinh tế

Học phần này bao gồm các kiến thức về : Đại số tổ hợp, phép thử và biến cố, các định nghĩa và công thức của xác suất, biến ngẫu nhiên và các số đặc trưng của biến ngẫu nhiên, một số phân phối xác suất thông dụng, lí thuyết mẫu, ước lượng tham số, kiểm định giả thiết

14.11. Tin học đại cương (2TC)

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần này bao gồm các kiến thức cơ bản về máy tính, phần mềm ứng dụng Microsoft Office (biết tạo và xử lý văn bản bằng phần mềm MS Word, tạo và xử lý bảng tính MS Excel, thiết kế trang trình diễn với phần mềm PowerPoint) và mạng máy tính, Internet.

14.12. Pháp luật đại cương (2TC)

Điều kiện tiên quyết: Triết học Mác - Lênin

Học phần gồm những kiến thức cơ bản về nhà nước, pháp luật, nhà nước và pháp luật nước CHXHCN Việt Nam; pháp luật dân sự và pháp luật tố tụng dân sự; pháp luật lao động, pháp luật hình sự và pháp luật tố tụng hình sự; pháp luật hành chính và pháp luật tố tụng hành chính; pháp luật về phòng, chống tham nhũng

14.13. Giáo dục thể chất (7TC)

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về lí luận và phương pháp giáo dục thể chất; một số kiến thức cơ bản về Y - Sinh học Thể dục, thể thao; chạy cự li ngắn; cự li trung bình; những động tác, kỹ thuật cơ bản của môn thể thao (Bóng đá, bóng chuyền, bóng bàn, cầu lông, võ thuật, bơi lội), đặc điểm, ý nghĩa tác dụng của GDTC đối với người tập luyện; hiểu được một số điều luật cơ bản, chiến thuật đơn giản trong các môn thể thao, phương pháp tổ chức thi đấu, trọng tài ...Nhằm phát triển con người toàn diện (Đức – Trí – Thể - Mỹ)

14.14. Giáo dục quốc phòng (9TC)

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về quan điểm của chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh. Xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân; bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa; xây dựng lực lượng

vũ trang nhân dân Việt Nam; kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường củng cố Quốc phòng - An ninh; nghệ thuật quân sự Việt Nam; những kiến thức cơ bản về phòng chống chiến lược "Diễn biến hòa bình", "Bạo loạn lật đổ" của các thế lực thù địch đối với cách mạng Việt Nam; xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia; một số nội dung cơ bản về dân tộc, tôn giáo và đấu tranh phòng chống dịch lợi dụng vấn đề dân tộc và tôn giáo chống phá cách mạng Việt Nam. Luyện tập cho người học những kiến thức cơ bản về đội ngũ đơn vị và 3 môn quân sự phối hợp; sử dụng bản đồ địa hình quân sự; giới thiệu một số loại vũ khí bộ binh; thuốc nổ; phòng chống vũ khí hủy diệt lớn; cấp cứu ban đầu vết thương chiến tranh; từng người trong chiến đấu tấn công và phòng ngự; kỹ thuật bắn súng tiểu liên AK.

14.15. Kinh tế vi mô (3TC)

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần cung cấp các kiến thức bao gồm các nội dung: khái quát về kinh tế học, lý thuyết cầu - cung, độ co giãn, lý thuyết lợi ích, sản xuất - chi phí - lợi nhuận, cấu trúc thị trường, thị trường lao động và những thất bại của thị trường

14.16. Kinh tế vĩ mô (3TC)

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần tập trung nghiên cứu những vấn đề khái quát của nền kinh tế vĩ mô, đo lường các biến số kinh tế vĩ mô quan trọng và tăng trưởng kinh tế; xây dựng và phân tích các mô hình kinh tế nhằm giải thích các biến động kinh tế trong ngắn hạn, sự vận động của nền kinh tế trong dài hạn và các vấn đề của nền kinh tế mở

14.17. Luật kinh tế (3TC)

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần Luật kinh tế cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về: Môi trường pháp lý cho hoạt động kinh doanh, quy chế pháp lý chung về thành lập, tổ chức quản lý hoạt động, giải thể, phá sản đối với các loại hình kinh doanh. Pháp luật về giải quyết tranh chấp trong kinh doanh, thương mại bằng các hình thức chủ yếu tại Việt Nam.

14.18. Nguyên lý kế toán (3TC)

Điều kiện tiên quyết: Không.

Học phần nghiên cứu những nội dung lý thuyết cơ bản về hạch toán kế toán như: Bản chất, chức năng, vai trò, nguyên tắc, chuẩn mực của hạch toán kế toán. Phân loại tài sản theo kết cấu vốn và nguồn hình thành tài sản; Hệ thống các phương pháp chuyên môn

của kế toán; sổ kế toán và các hình thức kế toán; báo cáo kế toán; hình thức tổ chức bộ máy kế toán hiện nay đang áp dụng trong các loại hình doanh nghiệp, đơn vị hành chính sự nghiệp.

14.19. Nguyên lý thống kê (3TC)

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần tập trung nghiên cứu các kiến thức cơ bản về thống kê như một số khái niệm về thống kê và các khái niệm thường dùng trong thống kê, các giai đoạn chính của quá trình nghiên cứu thống kê, các phương pháp phân tích thống kê thường dùng. Bên cạnh đó, trong quá trình học người học biết vận dụng các hình thức tiến hành điều tra, thu thập thông tin, các bước tổng hợp, phân tích, xử lý thông tin bằng việc sử dụng phương pháp phân tích thống kê khác nhau như: thống kê mô tả, phân tích sự biến động của hiện tượng. Từ đó tính toán được các chỉ tiêu kinh tế cơ bản để nhận thức được chính xác hiện tượng kinh tế xã hội từ đó đưa ra những quyết định phù hợp và chính xác trong quản lý

14.20. Tài chính – Tiền tệ (3TC)

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về lý thuyết tài chính – tiền tệ như nguồn gốc, bản chất, các chức năng của tài chính – tiền tệ. Giới thiệu hệ thống tài chính Việt Nam, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, chính sách tiền tệ trong nền kinh tế đóng và mở, các ngân hàng và tổ chức tài chính. Ngoài ra, học phần còn đề cập đến các vấn đề như lãi suất, lạm phát,...

14.21. Phương pháp nghiên cứu kinh tế (3TC)

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần tập trung nghiên cứu những nội dung cơ bản như: Tổng quan về phương pháp nghiên cứu khoa học; Thiết kế nghiên cứu và mô hình nghiên cứu; Phương pháp nghiên cứu định tính và định lượng trong nghiên cứu khoa học; Ngoài ra người học cũng được trang bị các kiến thức, kỹ năng và thực hành viết và thuyết trình báo cáo nghiên cứu khoa học

14.22. Marketing căn bản (2TC)

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần nghiên cứu các vấn đề cơ bản về các nguyên lý hoạt động Marketing và việc vận dụng vào thực tế kinh doanh; các khái niệm về Marketing; công tác nghiên cứu thị trường và hành vi người tiêu dùng; xây dựng chiến lược, kế hoạch, tổ chức và kiểm

tra Marketing; nghiên cứu chiến lược sản phẩm, chiến lược giá, chiến lược phân phối và hoạt động truyền thông Marketing.

14.23. Soạn thảo văn bản (2TC)

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần bao gồm những kiến thức về văn bản quản lý hành chính nhà nước: kỹ thuật soạn thảo các loại văn bản quản lý hành chính nhà nước và rèn luyện kỹ năng soạn thảo, tạo lập các loại văn bản quản lý hành chính nhà nước thông thường.

14.24. Mô hình toán kinh tế (2TC)

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần này bao gồm các kiến thức về: Mô hình cân đối liên ngành, mô hình tối ưu tuyến tính, bài toán quy hoạch tuyến tính.

14.25. Kinh tế quốc tế (2TC)

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần nghiên cứu về các vấn đề cơ bản của quan hệ kinh tế quốc tế trong bối cảnh toàn cầu hóa, đặc biệt là thương mại quốc tế và đầu tư quốc tế.

14.26. Lịch sử các học thuyết kinh tế (2TC)

Điều kiện tiên quyết: Chủ nghĩa xã hội khoa học.

Học phần Lịch sử các học thuyết kinh tế bao gồm các nội dung cơ bản về hệ thống các quan điểm, lý luận kinh tế của các đại biểu tiêu biểu trong học thuyết kinh tế chính trị tư sản cổ điển; học thuyết kinh tế của các nhà xã hội chủ nghĩa không tưởng ở Tây Âu thế kỷ XIX; kinh tế chính trị học Mác- Lênin; học thuyết kinh tế tư sản hiện đại.

14.27. Quản trị học (3TC)

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về quản trị học và các chức năng quản trị như: hoạch định, tổ chức, lãnh đạo, kiểm tra. Truyền đạt thông tin và ra quyết định của các nhà quản trị trong tổ chức

14.28. Kinh tế lượng (3TC)

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần bao gồm các nội dung cơ bản về kỹ thuật ước lượng, hiệu chỉnh hồi quy một phương trình, cách phân tích đường dẫn về mặt kỹ thuật cũng như về kinh tế của mô hình, cách thức vận dụng các công cụ phân tích định lượng vào một số vấn đề kinh tế, quản trị kinh doanh cơ bản trên cơ sở sử dụng cơ sở dữ liệu của Việt Nam.

14.29. Kế toán tài chính 1 (3TC)

Điều kiện tiên quyết: Nguyên lý kế toán

Học phần nghiên cứu những nội dung kiến thức chuyên môn và kỹ năng nghiệp vụ chuyên ngành thuộc các phần hành kế toán: tổng quan về kế toán tài chính, kế toán vốn bằng tiền; kế toán vật tư, sản phẩm, hàng hóa; kế toán tài sản cố định trong doanh nghiệp. Trong từng phần hành kế toán, người học cần nắm được các quy định hạch toán; nội dung, kết cấu tài khoản sử dụng; phương pháp kế toán các nghiệp vụ kinh tế liên quan.

14.30. Kế toán quản trị (4TC)

Điều kiện tiên quyết: Nguyên lý kế toán

Học phần Kế toán quản trị tập trung nghiên cứu các nội dung cơ bản về: Quá trình hình thành và phát triển của kế toán quản trị doanh nghiệp, Đối tượng và phương pháp của kế toán quản trị doanh nghiệp, Kế toán quản trị chi phí giá thành, định giá bản sản phẩm, kế toán quản trị doanh thu và kết quả kinh doanh, mối quan hệ chi phí khối lượng - lợi nhuận, kế toán quản trị trong việc ra quyết định ngắn hạn, dự toán sản xuất, kinh doanh và phân tích chi phí kinh doanh, Kế toán quản trị cho việc đánh giá trách nhiệm quản lý, Kế toán quản trị chiến lược, Tổ chức kế toán quản trị trong doanh nghiệp.

14.31. Kế toán tài chính 2 (4TC)

Điều kiện tiên quyết: Nguyên lý kế toán

Học phần tập trung nghiên cứu nguyên tắc và phương pháp hạch toán kế toán, chứng từ và tài khoản sử dụng theo quy định của chế độ kế toán hiện hành trong kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương, kế toán chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm, kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh tại doanh nghiệp.

14.32. Lý thuyết kiểm toán (3TC)

Điều kiện tiên quyết: Nguyên lý kế toán

Học phần cung cấp những nội dung kiến thức cơ bản về hoạt động kiểm toán: Bản chất và chức năng của kiểm toán; các tổ chức kiểm toán và hoạt động của các tổ chức kiểm toán; Phương pháp kiểm toán; Trình tự kiểm toán; Tổ chức và quản lý kiểm toán.

14.33. Tiếng Anh chuyên ngành kế toán (3TC)

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần gồm cung cấp các kiến thức cơ bản về chuyên ngành kế toán bằng tiếng Anh, giới thiệu và tăng cường vốn từ tiếng Anh cơ bản về chuyên ngành kế toán, một số thuật ngữ cơ bản trong báo cáo tài chính, kế toán thuế, kiểm toán; kế toán quản trị; đầu tư.

14.34. Thuế nhà nước (3TC)

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần tập trung nghiên cứu những vấn đề cơ bản về từng sắc thuế theo quy định của Nhà nước: thuế Giá trị gia tăng; thuế Tiêu thụ đặc biệt; thuế Xuất khẩu, nhập khẩu; thuế Thu nhập doanh nghiệp; thuế thu nhập cá nhân và các loại thu khác như thuế Nhà đất; thuế Bảo vệ môi trường, phí và lệ phí...

14.35. Tài chính doanh nghiệp (3TC)

Điều kiện tiên quyết: Tài chính tiền tệ

Học phần giới thiệu một cách có hệ thống nội dung rất cơ bản về tài chính doanh nghiệp, từ chi phí sản xuất kinh doanh, giá thành sản phẩm, các loại doanh thu, quản lý và sử dụng vốn kinh doanh... đến các kiến thức hiện đại về quản lý tài chính trong nền kinh tế thị trường như: chi phí sử dụng vốn, chi phí sử dụng vốn bình quân, chi phí sử dụng vốn cận biên, giá trị thời gian của tiền, các quyết định tài chính dài hạn. Đồng thời còn trang bị kiến thức cơ bản cho người học để xem xét trên giác độ tài chính đối với một số trường hợp đặc biệt như: sáp nhập và mua lại doanh nghiệp, thanh lý và phá sản doanh nghiệp.

14.36. Luật và chuẩn mực kế toán (3TC)

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần nghiên cứu các vấn đề cơ bản về hệ thống các văn bản pháp quy về kế toán (luật điều chỉnh nội dung của công tác kế toán, luật về tổ chức bộ máy kế toán và người làm kế toán), khái quát về chuẩn mực kế toán, quản lý nhà nước về kế toán và xử lý các hành vi vi phạm pháp luật về kế toán.

14.37. Thanh toán quốc tế (3TC)

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần tập trung nghiên cứu những kiến thức căn bản về thanh toán quốc tế trong hoạt động ngoại thương bao gồm hợp đồng ngoại thương, các điều kiện thương mại quốc tế, các thủ tục chứng từ, các phương tiện, phương thức thanh toán quốc tế cũng như các vấn đề liên quan đến tài trợ thương mại quốc tế.

14.38. Giao tiếp trong kinh doanh (3TC)

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần được thiết kế nhằm cung cấp cho người học kiến thức cơ bản và cơ hội để thực hành các kỹ năng liên quan đến giao tiếp có hiệu quả trong kinh doanh như: Bản chất và các hình thức giao tiếp kinh doanh; Môi trường giao tiếp kinh doanh; Giao tiếp

trong môi trường đa văn hóa; Giao tiếp bằng văn bản trong kinh doanh; Giao tiếp qua Email và tin nhắn trong kinh doanh; Giao tiếp qua thư từ trong kinh doanh; Giao tiếp bằng báo cáo trong kinh doanh; Thuyết trình trong kinh doanh.

14.39. Tài chính công (2TC)

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần tập trung nghiên cứu các nội dung tổng quan về quản lý tài chính công, ngân sách nhà nước và quản lý chu trình ngân sách nhà nước, tổ chức cân đối ngân sách nhà nước và quản lý quỹ trong và ngoài ngân sách nhà nước

14.40. Tổ chức công tác kế toán (2TC)

Điều kiện tiên quyết: Nguyên lý kế toán

Học phần tập trung nghiên cứu những kiến thức tổng quan về tổ chức công tác kế toán: Các hình thức tổ chức công tác kế toán và tổ chức bộ máy kế toán ở doanh nghiệp, tổ chức thực hiện chế độ chứng từ kế toán, tổ chức vận dụng hệ thống tài khoản kế toán và xây dựng quy trình hạch toán, tổ chức thực hiện chế độ sổ kế toán, tổ chức thực hiện chế độ báo cáo tài chính và báo cáo quản trị, tổ chức thực hiện chế độ kiểm tra kế toán, tổ chức thực hiện chế độ bảo quản, lưu trữ tài liệu kế toán, tổ chức công tác kế toán trường hợp đơn vị kế toán bị chia, tách, sát nhập, hợp nhất, chuyển đổi hình thức sở hữu, giải thể, chấm dứt hoạt động, phá sản

14.41. Kế toán hành chính sự nghiệp (3TC)

Điều kiện tiên quyết: Nguyên lý kế toán

Học phần nghiên cứu những nội dung kiến thức chuyên môn và kỹ năng nghiệp vụ chuyên ngành thuộc lĩnh vực kế toán HCSN: Tổ chức công tác kế toán; Kế toán vốn bằng tiền, đầu tư tài chính, các khoản phải thu và ứng trước; Kế toán vật tư, sản phẩm, hàng hóa và tài sản cố định; Kế toán nợ phải trả, nguồn vốn và các quỹ; Kế toán thu, chi và xác định kết quả hoạt động; Báo cáo kế toán hành chính sự nghiệp.

14.42. Kế toán doanh nghiệp nhỏ và vừa (3TC)

Điều kiện tiên quyết: Nguyên lý kế toán

Học phần tập trung nghiên cứu các kiến thức chuyên sâu và nghiệp vụ kế toán một số phần hành trong doanh nghiệp nhỏ và vừa theo quy định của chế độ kế toán áp dụng cho loại hình doanh nghiệp nhỏ và vừa: Kế toán vốn bằng tiền, kế toán nguyên liệu, vật liệu, CCDC và TSCĐ, kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương, kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm, kế toán tiêu thụ sản phẩm, chi phí quản lý kinh doanh,

xác định kết quả kinh doanh và phân phối lợi nhuận. Đồng thời cung cấp cho người học các kiến thức về lập báo cáo tài chính.

14.43. Kế toán tài chính 3 (3TC)

Điều kiện tiên quyết: Nguyên lý kế toán

Học phần nghiên cứu những nội dung kiến thức chuyên môn và kỹ năng nghiệp vụ chuyên ngành thuộc phần hành kế toán: các khoản thanh toán và nguồn vốn chủ sở hữu; các khoản dự phòng và các khoản điều chỉnh; các khoản đầu tư tài chính, bất động sản đầu tư và thuê tài sản. Nội dung, quy định và phương pháp lập báo cáo tài chính theo chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành.

14.44. Khởi sự kinh doanh (3TC)

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần tập trung nghiên cứu và phát hiện các hành vi cần thiết để quyết định sẽ kinh doanh cái gì, kinh doanh như thế nào và kinh doanh ở đâu; Lập ra kế hoạch để khởi sự kinh doanh với kết quả là thành lập một doanh nghiệp cụ thể với các hành vi và nhiều quyết định cụ thể về vị trí, quy mô, công nghệ...; Thiết lập các điều kiện cần thiết, xây dựng các chiến lược để đưa doanh nghiệp phát triển.

14.45. Phân tích hoạt động kinh doanh (3TC)

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần tập trung nghiên cứu những nội dung cơ bản về phân tích hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm phân tích kết quả sản xuất, giá thành sản phẩm, tình hình tiêu thụ - lợi nhuận của doanh nghiệp và phân tích báo cáo tài chính

14.46. Kế toán máy (3TC)

Điều kiện tiên quyết: Nguyên lý kế toán

Học phần tập trung nghiên cứu những kiến thức cơ bản về phần mềm kế toán để xử lý các nghiệp vụ kinh tế phát sinh, tạo các báo cáo kế toán theo yêu cầu, tổ chức triển khai tổ chức bộ máy kế toán trong môi trường xử lý thông tin trên phần mềm kế toán. Người học được thực hành trên máy vi tính các phần hành kế toán: kế toán vốn bằng tiền; kế toán mua hàng và bán hàng; kế toán kho; kế toán công cụ dụng cụ và TSCĐ; kế toán tiền lương và giá thành; kế toán thuế và kế toán tổng hợp. Kết xuất báo cáo kế toán.

14.47. Thực hành kế toán doanh nghiệp (3TC)

Điều kiện tiên quyết: Nguyên lý kế toán

Học phần tập trung nghiên cứu các nội dung: Thiết lập hệ thống sổ kế toán; lập các chứng từ và ghi sổ sách kế toán (sổ tổng hợp và sổ chi tiết) liên quan đến kế toán vốn bằng tiền và các khoản phải thu; kế toán nguyên liệu, vật liệu, công cụ dụng cụ và cá tài sản cố định; kế toán tiền lương và các khoản phải trích theo lương ; kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm; kế toán thành phẩm, tiêu thụ và xác định kết quả kinh doanh; lập báo cáo tài chính; sắp xếp, đóng, lưu trữ chứng từ, sổ sách kế toán.

14.48. Thực hành kế toán hành chính sự nghiệp (3TC)

Điều kiện tiên quyết: Kế toán hành chính sự nghiệp

Học phần hướng dẫn cho người học thao tác tương đối thành thạo các công việc chuyên môn theo đúng quy trình của công việc của kế toán trên máy vi tính, theo tài liệu kế toán của đơn vị hành chính sự nghiệp, cụ thể: Thiết lập hệ thống sổ kế toán; Kế toán vốn bằng tiền; Kế toán vật tư; sản phẩm, hàng hoá và tài sản cố định; Kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương; Kế toán thu, chi và xác định kết quả hoạt động; Lập báo cáo tài chính; Sắp xếp, lưu trữ tài liệu kế toán.

14.49. Tin học ứng dụng trong kế toán (2TC)

Điều kiện tiên quyết: Không

Sinh viên cần nắm được hệ thống thông tin kế toán và ứng dụng của tin học trong kế toán doanh nghiệp, cùng các kỹ năng cần thiết giúp người học sử dụng được phần mềm bảng tính Microsoft Excel để thực hiện công tác kế toán theo yêu cầu riêng của từng loại hình doanh nghiệp. Biết cài đặt, cấu hình và vận hành phần mềm kế toán MISA để kết xuất một số biểu kế toán đơn giản.

14.50. Nghiệp vụ ngân hàng thương mại (2TC)

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần tập trung khái quát những nghiệp vụ chủ yếu trong hoạt động kinh doanh của các ngân hàng thương mại.

14.51. Kế toán doanh nghiệp xây dựng (2TC)

Điều kiện tiên quyết: Nguyên lý kế toán

Học phần tập trung nghiên cứu những kiến thức cơ bản về kế toán doanh nghiệp xây dựng: Khái quát về công tác kế toán của các đơn vị xây dựng; Nguyên tắc, phương pháp hạch toán từng phần hành kế toán cụ thể ở doanh nghiệp xây dựng như: Kế toán các yếu tố cơ bản của quá trình sản xuất kinh doanh, kế toán tập hợp chi phí và tính giá thành sản phẩm, kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh. Đồng thời cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản trong lập báo cáo tài chính.

14.52. Định giá tài sản (2TC)

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần bao gồm các nội dung cơ bản về nguyên tắc thẩm định giá trong nền kinh tế thị trường, phương pháp định giá bất động sản, định giá máy, thiết bị, phương pháp xác định giá trị doanh nghiệp, tổ chức công tác định giá tài sản.

14.53. Kế toán doanh nghiệp thương mại dịch vụ (2TC)

Điều kiện tiên quyết: Nguyên lý kế toán

Học phần tập trung nghiên cứu các kiến thức chuyên sâu và nghiệp vụ kế toán một số phần hành trong doanh nghiệp thương mại dịch vụ theo quy định của chế độ kế toán áp dụng cho loại hình doanh nghiệp thương mại dịch vụ bao gồm: Tổ chức công tác kế toán trong các doanh nghiệp thương mại, dịch vụ; Kế toán hoạt động kinh doanh hàng hóa trong doanh nghiệp nội thương; Kế toán hoạt động kinh doanh hàng hóa trong doanh nghiệp xuất nhập khẩu; Kế toán kinh doanh các hoạt động dịch vụ.

14.54. Thị trường chứng khoán (2TC)

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần tập trung nghiên cứu những nội dung cơ bản về thị trường chứng khoán, cơ chế vận hành và những quy định hoạt động chứng khoán tại Việt Nam, các kỹ thuật phân tích, đánh giá và đầu tư một số loại chứng khoán chủ yếu trên thị trường chứng khoán Việt Nam.

14.55. Hệ thống thông tin kế toán (2TC)

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần nghiên cứu những nội dung cơ bản về các khái niệm và các cách thức tổ chức, xử lý, đánh giá và kiểm soát hệ thống thông tin kế toán trong điều kiện tin học hóa, đồng thời giới thiệu về các chu trình kinh doanh của một doanh nghiệp. Từ đó là cơ sở để có thể tiếp cận được công tác kế toán trong thực tế của doanh nghiệp

14.56. Kỹ năng quản lý và làm việc nhóm (2TC)

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần nghiên cứu các vấn đề cơ bản về kỹ năng quản lý và làm việc nhóm, từ hoạt động thành lập, quản lý và đánh giá các hoạt động của nhóm đến các kỹ năng giao tiếp, phối hợp trong làm việc nhóm và các kỹ năng trong quản lý nhóm.

14.57. Thực tập 1 (Thực tập giáo trình) (4TC)

Điều kiện tiên quyết: Nguyên lý kế toán

Học phần giúp người học củng cố những kiến thức lí luận đã được học; vận dụng kiến thức lý thuyết đã học vào thực tế công tác kế toán tại cơ sở đồng thời giúp người học rèn luyện kĩ năng chuyên môn, nghiệp vụ mang tính chất tổng hợp để có khả năng thực hiện tốt các công việc trong thực tế nghề nghiệp ngành kế toán.

14.58. Thực tập 2 (Thực tập tốt nghiệp) (4TC)

Điều kiện tiên quyết: Thực tập 1

Học phần giúp người học củng cố những kiến thức lí luận đã được học; vận dụng kiến thức lý thuyết đã học vào thực tế công tác kế toán tại cơ sở đồng thời giúp người học rèn luyện kĩ năng chuyên môn, nghiệp vụ mang tính chất tổng hợp để có khả năng thực hiện tốt các công việc trong thực tế nghề nghiệp ngành kế toán.

14.59. Kế toán ngân hàng thương mại (2TC)

Điều kiện tiên quyết: Nguyên lý kế toán

Học phần Kế toán Ngân hàng thương mại cung cấp cho người học những vấn đề cơ bản về tổ chức công tác kế toán trong ngân hàng thương mại, kế toán các nghiệp vụ chủ yếu trong ngân hàng thương mại như: Kế toán huy động vốn, kế toán tài sản phục vụ kinh doanh, kế toán nghiệp vụ tín dụng, kế toán nghiệp vụ thanh toán vốn giữa các ngân hàng, kế toán thu nhập, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.

14.60. Kế toán ngân sách nhà nước và nghiệp vụ kho bạc (2TC)

Điều kiện tiên quyết: Nguyên lý kế toán

Kế toán NSNN và nghiệp vụ KBNN là môn khoa học cung cấp cho người học những kiến thức lý luận cơ bản về kế toán quỹ NSNN và kế toán nghiệp vụ KBNN bao gồm: Kế toán vốn bằng tiền và thanh toán không dùng tiền mặt; Kế toán thu NSNN; Kế toán dự toán chi NSNN; Kế toán chi NSNN, Kế toán ghi thu, ghi chi và Cân đối thu chi NSNN; Kế toán vay nợ, viện trợ của nhà nước qua KBNN; Kế toán tiền gửi và các quỹ tài chính tại KBNN. Đồng thời, trang bị cho người học những kiến thức về báo cáo tài chính.

14.61. Kế toán quốc tế (2TC)

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần tập trung nghiên cứu những nội dung khái quát các chuẩn mực quốc tế về kế toán quốc tế; cung cấp kiến thức liên quan đến các phần hành kế toán cơ bản và báo cáo tài chính trong sự tương quan với hệ thống chuẩn mực kế toán Việt Nam.

14.62. Kế toán ngân sách và tài chính xã (2TC)

Điều kiện tiên quyết: Nguyên lý kế toán

Học phần nghiên cứu các nội dung cơ bản về công tác kế toán ngân sách và tài chính xã, hướng dẫn phương pháp hạch toán một số phần hành kế toán ngân sách và tài chính xã: Kế toán các khoản tiền, vật tư, tài sản cố định; Kế toán thanh toán và nguồn vốn quỹ của xã; Kế toán thu, chi và kết dư ngân sách xã; Hướng dẫn quy trình vào các sổ kế toán có liên quan và lập báo cáo kế toán và quyết toán ngân sách xã.

14.63. Kiểm toán báo cáo tài chính (2TC)

Điều kiện tiên quyết: Lý thuyết kiểm toán

Học phần nghiên cứu các nội dung về kiểm toán Báo cáo tài chính, kiểm toán các chu kỳ và các khoản mục chủ yếu trên báo cáo tài chính của doanh nghiệp như: Chu kỳ bán hàng và thu tiền; Chu kỳ mua hàng và thanh toán; Chu kỳ hàng tồn kho và chi phí.

14.64. Quản trị Tài chính doanh nghiệp (2TC)

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về quản trị tài chính doanh nghiệp, bao gồm: quản lý tài sản cố định; quản lý tài sản lưu động và vốn lưu động; quản lý vốn bằng tiền; quản lý tín dụng thương mại; quản lý nguồn vốn của doanh nghiệp; các quyết định và phân tích về chi phí đầu tư; phân tích tài chính trong quản lý doanh nghiệp.

14.65. Kế toán thuế (2TC)

Điều kiện tiên quyết: Thuế Nhà nước

Học phần tập trung nghiên cứu kiến thức cơ bản về kế toán các loại sắc thuế hiện hành: kế toán thuế giá trị gia tăng; kế toán thuế thu nhập doanh nghiệp; kế toán thuế tiêu thụ đặc biệt; kế toán thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu; kế toán các loại thuế, phí và lệ phí khác; kế toán thuế thu nhập cá nhân; Kế toán thuế nhà thầu.

15. Hướng dẫn thực hiện chương trình

15.1. Quy định chung

- Căn cứ thực hiện chương trình: Luật Giáo dục đại học số 08/2012/QH13 ngày 18/06/2012 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học số 34/2018/QH14 ngày 19/11/2018 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; Quyết định số 1982/QĐ-TTg, ngày 18/10/2016 Quyết định phê duyệt Khung trình độ quốc gia Việt Nam; Chương trình đào tạo trình độ đại học ngành ... được thiết kế theo hướng phát huy tinh thần chủ động, sáng tạo của người học, tích hợp chuyên môn và nghiệp

vụ, tạo điều kiện thuận lợi cho người học sau khi tốt nghiệp có thể đảm nhiệm tốt những công việc phù hợp với chuyên ngành được đào tạo.

- Khi thực hiện nội dung chương trình, các phòng, khoa, trung tâm, bộ môn phải thực hiện đúng theo chương trình đào tạo và đề cương chi tiết học phần đã được duyệt; nếu có những nội dung cần thay đổi, phải đề nghị Ban Giám hiệu duyệt trước khi thực hiện.

- Các khoa, trung tâm, bộ môn xây dựng đủ đề cương bài giảng, ngân hàng dữ liệu để tạo điều kiện cho tất cả các học phần tổ chức giảng dạy theo hướng tích cực hóa các hoạt động, đặc biệt là hướng dẫn người học tự học, tự nghiên cứu tài liệu; cần phải đảm bảo các điều kiện tối thiểu về tài liệu, giáo trình, thiết bị dạy học; tăng cường hoạt động tự nghiên cứu, tăng cường hình thức giao nhiệm vụ cho người học và tổ chức học tập, hoạt động theo nhóm.

- Kế hoạch đào tạo và phân công giảng viên lên lớp phải được bố trí hợp lý về chuyên môn của từng đơn vị và phải được Ban Giám hiệu duyệt trước khi thực hiện.

- Toàn bộ chương trình được thực hiện trong ... năm, mỗi năm học được chia thành 2 học kì, mỗi học kì là 15 tuần (không tính thời gian ôn tập và thi); trong điều kiện cụ thể có thể tổ chức học kỳ phụ.

- Quy định thực hiện các học phần:

- + Các học phần lí thuyết học tại lớp: không quá không vượt quá 15 giờ/tuần và 4 giờ/ngày, được chia thành các phần: lí thuyết, bài tập, thảo luận, kiểm tra, thực hành môn học.

- + Học phần thực tập: thời gian không quá 40 giờ/ tuần.

- + Mỗi giờ học là 50 phút.

15.2. Hướng dẫn lựa chọn các hoạt động dạy học và phương pháp dạy học

Giảng viên lựa chọn các hoạt động dạy học và phương pháp dạy học phải được thiết kế theo cách tiếp cận lấy người học làm trung tâm và chủ thể của quá trình đào tạo, thúc đẩy người học phát huy chủ động và nỗ lực tham gia các hoạt động học tập; định hướng hiệu quả để người học đạt được chuẩn đầu ra của mỗi học phần, mỗi thành phần và của cả chương trình đào tạo.

15.3. Hướng dẫn tổ chức kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần

Theo Điều 14, 15, 16, 17, 18, 19 của Chương III, Quyết định 667/QĐ-ĐHTTr ngày 25/8/2021 về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học của Trường Đại học Tân Trào.

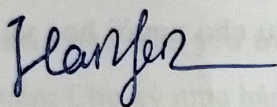
15.4. Hướng dẫn xét tốt nghiệp và công nhận tốt nghiệp

Theo Điều 20, 21, 22, 23 của Chương III, Quyết định 667/QĐ-ĐHTTTr ngày 25/8/2021 về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học của Trường Đại học Tân Trào.

Tuyên Quang, ngày 6 tháng 9 năm 2024

KHOA KINH TẾ VÀ QTKD
TRƯỜNG KHOA

HIỆU TRƯỞNG



Đỗ Hải Yến

Nguyễn Minh Anh Tuấn